

DANH SÁCH CÁC MÃ CHO VAY KÍ QUỸ THÁNG 12/2025

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	20	7,210
2	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	10	46,593
3	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	HOSE	50	26,000
4	ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	10	12,811
5	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	38,000
6	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	10	12,778
7	ADS	Công ty Cổ phần DAMSAN	HOSE	10	7,940
8	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	10	16,600
9	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	HOSE	30	17,000
10	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	30	28,100
11	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	30	10,000
12	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	20	15,376
13	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	HNX	20	12,000
14	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	20	33,750
15	BCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	10	12,487
16	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	HOSE	50	73,000
17	BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	40	46,550
18	BHN	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	HOSE	40	21,403
19	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	30,000
20	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	42,000
21	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	10	19,000
22	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HOSE	50	21,000
23	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	HOSE	50	145,300
24	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	10	14,250
25	BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	HOSE	40	46,700
26	BSR	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	20	24,000
27	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	10	11,950
28	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành	HOSE	20	29,935
29	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	HNX	20	29,939
30	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	50	54,900
31	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	40,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
32	BWE	Công ty CP – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương	HOSE	50	50,000
33	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	HNX	10	6,100
34	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	HNX	10	12,694
35	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi	HOSE	10	14,548
36	CCL	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HOSE	20	6,930
37	CCR	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	10	11,633
38	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HOSE	20	15,000
39	CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	40	19,339
40	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	20	11,781
41	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	HOSE	50	25,000
42	CIA	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	HNX	10	9,400
43	CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	30	23,000
44	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	HOSE	20	35,000
45	CLH	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	20	16,875
46	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	20	18,000
47	CLM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin	HNX	20	70,369
48	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	40	45,000
49	CNG	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	18,015
50	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	10	10,000
51	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	HOSE	30	14,000
52	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	40	40,000
53	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	HNX	10	23,055
54	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	30	84,200
55	CTF	Công ty Cổ phần City Auto	HOSE	10	11,795
56	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	HOSE	50	51,000
57	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	20	25,200
58	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	HOSE	50	101,700
59	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HOSE	40	40,700
60	CVT	Công ty Cổ phần CMC	HOSE	10	27,018
61	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	30	23,000
62	DAT	Công ty cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	10	7,400
63	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HOSE	30	39,000
64	DBD	Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định	HOSE	40	54,500
65	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	HOSE	10	12,150
66	DC4	Công ty cổ phần DICERA HOLDINGS	HOSE	10	13,950
67	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	HOSE	10	20,925

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
68	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	HOSE	50	36,000
69	DGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	HOSE	50	60,000
70	DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HOSE	50	50,000
71	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	10	29,166
72	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	32,000
73	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	HOSE	50	113,000
74	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	40	50,000
75	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	20	22,000
76	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	HOSE	40	47,789
77	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	HNX	10	16,070
78	DP3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	HNX	10	25,244
79	DPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	20	44,200
80	DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần	HOSE	50	43,000
81	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	50	45,000
82	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	HOSE	50	20,000
83	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	HOSE	20	13,171
84	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	HOSE	20	24,130
85	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	10	16,900
86	DTK	Tổng Công ty Điện lực TKV – Công ty Cổ phần	HNX	10	12,300
87	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	10	6,900
88	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	40	50,000
89	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	30	17,100
90	DXP	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	HNX	30	9,900
91	DXS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	20	9,200
92	EBS	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	HNX	10	11,200
93	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	27,700
94	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	20	25,800
95	ELC	Công ty Cổ phần Công nghệ – Viễn thông ELCOM	HOSE	20	14,371
96	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	HOSE	20	10,800
97	EVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS	HNX	10	6,100
98	FCN	Công ty Cổ phần FECON	HOSE	10	15,400
99	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	37,802
100	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	122,500
101	FRT	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	HOSE	20	17,121
102	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	40	41,800
103	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	HOSE	50	75,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
104	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	HOSE	20	14,096
105	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	HNX	20	19,892
106	GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	30	17,000
107	GEX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	HOSE	30	50,000
108	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	HNX	10	15,100
109	GMD	Công ty Cổ phần Gemadep	HOSE	50	67,000
110	GMX	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân	HNX	10	13,114
111	GSP	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	20	12,800
112	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	10	9,300
113	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần	HOSE	50	35,000
114	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	20	17,000
115	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	74,300
116	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	10	17,000
117	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	10	7,700
118	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	27,000
119	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	31,000
120	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	30	32,000
121	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	29,400
122	HGM	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	20	32,850
123	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	20	39,599
124	HHP	Công ty Cổ phần HHP Global	HOSE	20	9,200
125	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	50	15,055
126	HHV	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HOSE	40	14,000
127	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	20	15,584
128	HLC	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin	HNX	20	10,800
129	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL	HOSE	10	12,000
130	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	HNX	10	15,500
131	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HOSE	50	28,000
132	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	20	20,016
133	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HOSE	40	20,000
134	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	HOSE	20	12,650
135	HTG	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	20	27,248
136	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	20	18,400
137	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	10	15,306
138	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HOSE	10	10,350
139	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	10	9,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
140	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	10	16,000
141	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	HNX	20	12,956
142	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	HNX	20	36,300
143	IDC	Tổng Công ty IDICO – CTCP	HNX	40	46,400
144	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HOSE	30	7,150
145	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vinh Phúc	HNX	10	20,822
146	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HOSE	50	15,000
147	ILB	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình	HOSE	20	24,600
148	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	40,000
149	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	20	41,609
150	IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	10	14,000
151	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh nhà	HOSE	30	14,850
152	IVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Goutai Junan (Việt Nam)	HNX	20	9,500
153	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	HOSE	30	35,000
154	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	HOSE	30	25,000
155	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	40	29,700
156	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	HOSE	20	8,000
157	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	HOSE	30	13,000
158	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HOSE	50	20,000
159	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – Công ty Cổ phần	HNX	20	21,646
160	KTS	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	HNX	20	50,000
161	L10	Công ty Cổ phần Lilama 10	HOSE	10	22,200
162	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	HOSE	10	16,545
163	LAS	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	30	22,000
164	LCG	Công ty Cổ phần Lizen	HOSE	30	12,000
165	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	10	30,364
166	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	HNX	10	52,400
167	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HOSE	50	31,900
168	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	HOSE	50	30,000
169	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	HOSE	10	13,550
170	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	HOSE	50	35,250
171	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	HOSE	30	9,560
172	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	HOSE	50	31,000
173	MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	32,000
174	MCM	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	30	22,000
175	MCP	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	10	15,509

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
176	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin	HNX	10	10,800
177	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HOSE	50	17,300
178	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	HOSE	50	14,500
179	MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	38,450
180	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	80,000
181	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – Công ty Cổ phần	HNX	40	17,900
182	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	HOSE	50	72,000
183	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	HOSE	40	17,000
184	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	HOSE	10	18,669
185	NAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	10	13,300
186	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	10	13,200
187	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	HOSE	10	18,151
188	NBC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	HNX	20	9,800
189	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	HNX	10	17,865
190	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	30	80,000
191	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	10	9,700
192	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	HNX	10	25,916
193	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	10	16,273
194	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	20	12,673
195	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	20	10,300
196	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	HOSE	20	17,000
197	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	40	41,650
198	NSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	40	84,500
199	NST	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	HNX	10	12,200
200	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	30	23,000
201	NTH	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	HNX	10	17,221
202	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	HOSE	20	18,000
203	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	70,000
204	OCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	HOSE	50	13,000
205	OPC	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	HOSE	10	13,929
206	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	HOSE	50	21,454
207	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	33,700
208	PC1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	30	28,000
209	PCE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	HNX	10	20,152
210	PCH	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	HNX	10	10,918
211	PCT	Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific	HNX	10	11,500

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
212	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HOSE	10	33,466
213	PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	20	12,935
214	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HOSE	50	31,000
215	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex – Công ty Cổ phần	HOSE	50	13,900
216	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	20	14,904
217	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	40	16,842
218	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	HNX	20	20,782
219	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	72,000
220	PIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	10	11,608
221	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	HNX	10	22,036
222	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	HOSE	10	10,600
223	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – Công ty Cổ phần	HNX	40	26,900
224	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	42,000
225	PMB	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	10	10,900
226	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	10	27,242
227	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	HNX	10	25,344
228	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	HOSE	10	17,552
229	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	89,000
230	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	HOSE	50	15,000
231	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	20	11,300
232	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	HNX	10	16,030
233	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	10	11,600
234	PPY	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	HNX	10	9,300
235	PRE	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	10	15,914
236	PSD	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	40	13,000
237	PSE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	10	11,800
238	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	HNX	20	6,800
239	PSW	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	10	8,100
240	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	HOSE	40	54,800
241	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	10	24,500
242	PVB	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	20	17,861
243	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – Công ty Cổ phần	HNX	40	12,200
244	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	HOSE	20	24,000
245	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	20	6,700
246	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	50	50,000
247	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	20	15,950

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
248	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	37,000
249	PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	HOSE	50	21,000
250	QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	10	22,422
251	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HOSE	50	93,000
252	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	HOSE	50	80,000
253	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	10	13,565
254	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	HNX	10	56,100
255	S99	Công ty Cổ phần SCI	HNX	10	7,400
256	SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	HOSE	50	55,000
257	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	HNX	10	15,880
258	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	20	6,540
259	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	HOSE	40	16,178
260	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	HOSE	10	12,550
261	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	HOSE	50	23,400
262	SCR	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	20	7,430
263	SCS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	68,800
264	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	HNX	10	8,800
265	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	HNX	10	11,800
266	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	HNX	10	20,979
267	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	10	24,300
268	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	HOSE	10	10,900
269	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	10	29,100
270	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	10	52,250
271	SGN	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	40	38,012
272	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	HOSE	10	16,504
273	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	HOSE	50	15,050
274	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	HNX	10	9,500
275	SHI	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	HOSE	20	13,133
276	SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HOSE	40	11,858
277	SHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	HNX	30	20,000
278	SIP	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	69,000
279	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	HOSE	20	14,800
280	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	HNX	20	18,300
281	SJS	Công ty Cổ phần SJ GROUP	HOSE	20	26,854
282	SKG	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong – Kiên Giang	HOSE	20	10,300
283	SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	50	166,585

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
284	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	HOSE	10	21,045
285	SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	HOSE	10	20,587
286	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	19,000
287	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	10	28,860
288	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	34,000
289	ST8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	HOSE	10	6,550
290	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	52,000
291	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	HNX	10	17,000
292	STG	Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	HOSE	40	25,005
293	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	HOSE	10	21,000
294	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	10	12,700
295	SZB	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	10	23,717
296	SZC	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	42,000
297	SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HOSE	10	23,097
298	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	10	13,368
299	TBC	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	10	20,904
300	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	HOSE	50	37,000
301	TCH	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	30	20,900
302	TCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	HOSE	10	8,170
303	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	30,000
304	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công	HOSE	40	34,000
305	TCT	Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	10	17,000
306	TDM	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	HOSE	40	50,000
307	TDP	Công ty Cổ phần Thuận Đức	HOSE	10	11,716
308	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	10	29,867
309	TFC	Công ty Cổ phần Trang	HNX	10	25,357
310	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	HNX	10	11,272
311	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	10	28,416
312	TIP	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	40	21,000
313	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HOSE	10	6,820
314	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	55,700
315	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	10	7,600
316	TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	40	22,743
317	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	HOSE	10	31,854
318	TN1	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	HOSE	10	11,000
319	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	HOSE	10	18,039

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
320	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	23,000
321	TOT	CTCP TRANSIMEX LOGISTICS	HNX	10	15,551
322	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	16,000
323	TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	HOSE	40	36,020
324	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	HOSE	40	66,300
325	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	20	10,400
326	TTT	Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh	HNX	10	30,200
327	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	HOSE	30	40,000
328	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin	HNX	30	10,700
329	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	20	14,238
330	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	HOSE	10	15,400
331	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	HOSE	10	14,450
332	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	HOSE	10	39,300
333	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	HNX	10	20,300
334	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	HNX	10	10,000
335	VC3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	10	11,285
336	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	10	17,838
337	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	66,000
338	VCF	Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	HOSE	50	76,106
339	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	26,000
340	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	HOSE	50	43,050
341	VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	HNX	50	55,000
342	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	10	34,246
343	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	10	11,819
344	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	50	50,000
345	VFS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	HNX	20	13,463
346	VGC	Tổng Công ty Viglacera – Công ty Cổ phần	HOSE	50	52,400
347	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	HNX	30	20,123
348	VHC	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	HOSE	50	62,000
349	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	HOSE	50	65,000
350	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	18,400
351	VIC	Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	HOSE	50	70,468
352	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần	HNX	10	14,290
353	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	30	12,550
354	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	30	18,000
355	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	HOSE	50	110,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
356	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	50	30,000
357	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HOSE	40	21,150
358	VNF	Công ty Cổ phần Vinafreight	HNX	10	13,800
359	VNL	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	10	20,800
360	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	69,000
361	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	22,500
362	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	10	9,500
363	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	HOSE	50	29,000
364	VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	10	13,266
365	VPI	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	HOSE	40	53,000
366	VPL	Cổ phiếu Công ty cổ phần Vinpearl	HOSE	30	80,000
367	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	23,928
368	VSA	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	10	22,900
369	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	22,950
370	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	10	15,227
371	VTP	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HOSE	40	121,000
372	VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	10	14,917
373	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	HNX	10	114,629
374	YEG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	12,250